TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU TỈNH SÓC TRĂNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 20/6/2019

"V/v *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn và yêu cầu xác định con*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Hương

2. Ông Triệu Khánh Long.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thị Thanh Tâm, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa***: Bà Bùi Mỹ Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2018/TLST–HNGĐ, ngày 03/12/2018 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn và yêu cầu xác định con "*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn***: Anh Cao Trọng Th, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Số 253 đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D.

2. ***Bị đơn***: Chị Dương Thị Đa R, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Nhà không số, ấp M, xã N, thị xã C, tỉnh D.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt)

Người phiên dịch tiếng Khmer: ông Lâm Diệp P, Cán bộ Hội nông dân phường 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 02/12/2018, nguyên đơn Cao Trọng Th trình bày: Vào năm 2014, anh Cao Trọng Th kết hôn với chị Dương

Thị Đa R có đăng ký kết hôn, giấy chứng nhận kết hôn do Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh D cấp ngày 10/01/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại ấp M, xã N, thị xã C đến cuối năm 2014 thì anh Th về sinh sống tại số 253 đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D cho đến nay không còn liên lạc với nhau.

Từ khi cưới nhau vợ chồng sống chung không hạnh phúc, anh Th nghi ngờ chị Đ R không chung thủy nên tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, bất đồng quan điểm, thường xuyên mâu thuẫn không thể khắc phục được nên đã sống ly thân từ cuối năm 2014. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng với chị Dương Thị Đa R không hạnh phúc, không có tình cảm vợ chồng nay anh Cao Trọng Th yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Dương Thị Đa R.

-Về con chung: Có một con chung Cao Thị Thảo Ph (nữ) sinh ngày 21/3/2014 hiện tại đang sống chung với chị Dương Thị Đa R tại ấp M, xã N, thị xã C, tỉnh D. Tuy nhiên, càng lớn lên cháu Cao Thị Thảo Ph không có nét giống anh Cao Trọng Th nên anh Th đã quyết định đưa cháu Thảo Ph đi xét nghiệm ADN. Hội đồng xét nghiệm ADN của Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận con chung (Cao Thị Thảo Ph) của anh Cao Trọng Th với chị Dương Thị Đa R không có quan hệ huyết thống cha - con với anh Cao Trọng Th. Vì vậy, ngày 10/01/2019 anh Cao Trọng Th có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án căn cứ vào kết quả xét nghiệm ADN của Hội đồng xét nghiệm ADN Công ty cổ phần dịch vụ phân tích di truyền tại Thành phố Hồ Chí Minh để xác định cháu Cao Thị Thảo Ph không phải là con của anh Cao Trọng Th.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về việc cấp dưỡng sau khi ly hôn anh Cao Trọng Th không đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị Dương Thị Đa R mà chỉ hỗ trợ khi ly hôn cho chị Dương Thị Đa R số tiền là 20.000.0000 đồng.

* Trong quá trình giải quyết vụ án chị Dương Thị Đa R trình bày: Vào năm 2014, chị Dương Thị Đa R có kết hôn với anh Cao Trọng Th và được Ủy ban nhân dân xã N cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/01/2014. Từ khi kết hôn đến nay chị Đa R và anh Cao Trọng Th không sống chung với nhau nhưng trước đó có quan hệ tình cảm với nhau nên đã có con chung với nhau tên Cao Thị Thảo Ph (nữ) sinh ngày 21/3/2014. Từ khi kết hôn đến nay chị Đa R và anh Th không sống chung, thi thoảng anh T có về thăm con nhưng không quan tâm chăm sóc, chu cấp tiền để cho chị Đa R nuôi dạy con. Từ năm 2017, anh Th

không về nhà thăm con và cũng không liên lạc với chị Đa R. Nhận thấy, cuộc sống vợ chồng với anh Cao Trọng Th không còn hạnh phúc, nay anh Th yêu cầu được ly hôn chị Dương Thị Đa R cũng đồng ý.

- Về con chung: Chị Đa R và anh Cao Trọng Th có với nhau một đứa con chung tên Cao Thị Thảo Ph sinh ngày 21/3/2014, từ khi sinh ra cho đến nay đều ở chung với chị Đa R, anh Cao Trọng Th không thường xuyên quan tâm, chăm sóc nuôi dạy cháu Ph. Hiện tại anh Th còn yêu cầu Tòa án xác định cháu Cao Thị Thảo Ph không phải là con ruột của anh Cao Trọng Th chị Đa R không đồng ý. Chị Đa R khẳng định, cháu Cao Thị Thảo Ph là con ruột của chị Dương Thị Đa R với anh Cao Trọng Th, cháu Cao Thị Thảo Ph được chị Đa R sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa chị Dương Thị Đa R với anh Cao Trọng Th nên cháu Cao Thị Thảo Ph phải là con ruột của anh Cao Trọng Th.

Đối với kết quả xét nghiệm ADN mà anh Cao Trọng Th đã cung cấp cho Tòa án để chứng minh Cao Thị Thảo Ph không phải là con ruột của anh Th, chị R không công nhận vì chứng cứ đó là không đúng với sự thật. Chị Dương Thị Đa R, không cung cấp được các chứng cứ để chứng minh kết luật xét nghiệm ADN mà anh Cao Trọng Th cung cấp là không khách quan và không đồng ý đưa cháu Cao Thị Thảo Ph đi giám định ADN nếu Tòa án có yêu cầu ngoài lời trình bày khi lấy mẫu xét nghiệm ADN của cháu Thảo Ph chị Đa R không biết, không có mặt của chị Đa R chứng kiến nên kết quả xét nghiệm ADN mà anh Cao Trọng Th cung cấp là không khách quan.

- Về cấp dưỡng: Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Đa R ly hôn với anh Cao Trọng Th thì chị Đa R không yêu cầu anh Cao Trọng Th phải cấp dưỡng nuôi con nhưng yêu cầu anh Th phải cấp dưỡng cho chị R khi ly hôn với số tiền cấp dưỡng là 150.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Dương Thị Đa R khẳng định không có, không yêu cầu xem xét giải quyết.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán cũng như Hội đồng xét xử, thư ký phiên toà và đương sự (đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự khi tham gia tố tụng. Đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Cao Trọng Th được ly hôn với chị Dương Thị Đa R; về con chung đề nghị Hội đồng xét xử xác định cháu Cao Thị Thảo Ph không phải là con của anh Cao Trọng Th; Về nghĩa vụ

cấp dưỡng: không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn của chị Dương Thị Đa R. Ghi nhận ý chí tự nguyện của anh Cao Trọng Th về việc hỗ trợ khi ly hôn cho chị Dương Thị Đa R với số tiền là 20.000.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và lời trình bày của các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong vụ án này, anh Cao Trọng Th yêu cầu ly hôn với chị Dương Thị Đa R, tranh chấp về xác định con và cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn, quan hệ pháp luật nêu trên được điều chỉnh tại các Điều 51, Điều 56, Điều 89 và Điều 115 Luật hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1, khoản 4 và khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn kết hôn với nhau trên tinh thần tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh D cấp ngày 10/01/2014 theo đúng quy định. Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số: 14 ngày 10/01/2014 của Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh D, Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của nguyên đơn Cao Trọng Th có kết hôn với bị đơn Dương Thị Đa R là sự thật, được quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy, giữa anh Cao Trọng Th và chị Dương Thị Đa R đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, anh Cao Trọng Th sống tại số 253 đường A, Phường B, thành phố C, tỉnh D còn chị Đa R sống tại ấp M, xã N, thị xã C, tỉnh D, hai bên không sống chung với nhau từ khi kết hôn nên tình cảm ngày càng phai nhạt, thường xuyên xảy ra cãi vã dẫn đến mâu thuẫn kéo dài không còn hạnh phúc.

Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn kiên quyết xin ly hôn vì cho rằng vợ chồng không còn tình cảm thương yêu nhau vì chị sống không chung thủy nên cuộc sống chung không còn hạnh phúc. Xét thấy, trong quá trình chung sống nguyên đơn và bị đơn đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, không còn sống chung với nhau, cuộc sống vợ chồng mạnh ai nấy sống, người nào chỉ biết bổn phận của người đó, không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là đã vi phạm nghiêm trọng về nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình. Từ đó chứng tỏ rằng tình yêu giữa vợ chồng không còn nữa, mặc dù đang

tồn tại quan hệ hôn nhân nhưng giữa anh Cao Trọng Th và chị Dương Thị Đa R không có tình nghĩa vợ chồng. Những biểu hiện trên cho thấy, nguyên đơn và bị đơn không thể sống chung để cùng nhau xây dựng được gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn Cao Trọng Th và bị đơn Dương Thị Đa R thật sự trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được.

Từ những phân tích nhận định như trên, xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn Cao Trọng Th với bị đơn Dương Thị Đa R là có cơ sở chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho anh Cao Trọng Th được ly hôn với chị Dương Thị Đa R.

[3] Về con chung: Bị đơn Dương Thị Đa R khẳng định cháu Cao Thị Thảo P được sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp giữa chị Đa R với anh Cao Trọng Th, do đó cháu Cao Thị Thảo Ph chính là con ruột của anh Cao Trọng Th với chị Dương Thị Đa R. Trong khi đó, anh Cao Trọng Th cho rằng tuy có kết hôn và chung sống với chị Dương Thị Đa R nhưng cháu Cao Thị Thảo Ph không phải là con ruột của anh Cao Trọng Th với chị Dương Thị Đa R nên đã tiến hành xét nghiệm ADN xác định quan hệ cha con với cháu Thảo Ph và yêu cầu Tòa án xác định cháu Cao Thị Thảo Ph không phải con của nguyên đơn Cao Trọng Th.

Xét ý kiến trình bày và yêu cầu về con chung của các đương sự thấy rằng: Mặc dù cháu Cao Thị Thảo Ph sinh ngày 21/3/2014 được chị Đa R sinh ra trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, theo giấy chứng nhận kết hôn 14 ngày 10/01/2014 của Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh D nên tại giấy khai sinh số: 135 ngày 24/4/2014 của cháu Cao Thị Thảo Ph do Ủy ban nhân dân xã N, thị xã C, tỉnh D cấp thể hiện tên cha là Cao Trọng Th và tên mẹ là Dương Thị Đa R. Tuy nhiên, tại Công văn ngày 10/5/2019 của Công ty cổ phân dịch vụ phân tích di truyền tại thành phố Hồ Chí Minh xác nhận quy trình thu mẫu huyết thống ADN; Hồ sơ tiến hành lấy mẫu xét nghiệm ADN và phiếu kết quả phân tích ADN số: KQ 1804673 ngày 09/10/2018 của Công ty cổ phân dịch vụ phân tích di truyền Thành phố Hồ Chí Minh kết luận anh Cao Trọng Th và cháu Cao Thị Thảo Ph không có quan hệ huyết thống Cha – Con. Xét thấy: Quy trình, trình tự lấy mẫu ADN xét nghiệm của Công ty cổ phân dịch vụ phân tích di truyền tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với anh Cao Trọng Th và Cháu Cao Thị Thảo Ph đều được tuân thủ theo quy định của pháp luật và kết quả này được sử dụng trong tố tụng.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 88, khoản 2 Điều 89, khoản 2 Điều 101 Luật hôn nhân và gia đình xác định cháu Cao Thị Thảo Ph không phải là con của Anh Cao Trọng Th.

Đối với ý kiến trình bày của bị đơn Dương Thị Đa R về việc khẳng định cháu Cao Thị Thảo Ph là con ruột của nguyên đơn Cao Trọng Th, không công nhận kết quả xét nghiệm số: KQ 1804673 ngày 09/10/2018 của Công ty cổ phân dịch vụ phân tích di truyền Thành phố Hồ Chí Minh vì kết quả xét nghiệm gen không khánh quan và không đúng sự thật nhưng bị đơn không có chứng cứ gì chứng minh được việc lấy mẫu xét nghiệm của cháu Cao Thị Thảo Ph và anh Cao Trọng Th là không đúng quy trình, không khách quan, không đúng trình tự theo quy định của pháp luật. Đồng thời, bị đơn Dương Thị Đa R không yêu cầu và không đồng ý tiến hành lấy mẫu giám định để chứng minh quan hệ cha – con giữa anh Cao Trọng Th và cháu Cao Thị Thảo Ph. Do đó, ý kiến khẳng định cháu Cao Thị Thảo Ph là con ruột của nguyên đơn Cao Trọng Th là không có cơ sở để chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Dương Thị Đa R trình bày: Trường hợp Tòa án giải quyết cho chị Đa R ly hôn với anh Cao Trọng Th thì chị Đa R không yêu cầu anh Cao Trọng Th phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặc ra xem xét.

- Đối với yêu cầu của bị đơn Dương Thị Đa R yêu cầu anh Cao Trọng Th phải cấp dưỡng khi ly hôn một lần với số tiền 150.000.000 đồng thấy rằng: Xét hoàn cảnh gia đình của bị đơn Dương Thị Đa R được ông Lý Văn S là Phó ban nhân dân ấp M, xã N xác nhận tại biên bản xác minh ngày 22/5/2019 của Tòa án là không thuộc trường hợp khó khăn, túng thiếu, thu nhập đảm bảo được cuộc sống hằng ngày, gia đình không thuộc diện hộ nghèo ở địa phương. Đồng thời, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Dương Thị Đa R không đưa ra được các lý do nào chính đáng để buộc nguyên đơn Cao Trọng Th phải có nghĩa vụ cấp dưỡng khi ly hôn nên yêu cầu của bị đơn về việc cấp dưỡng khi ly hôn là chưa phù hợp với quy định tại Điều 115 của luật hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ cấp dưỡng của vợ chồng khi ly hôn. Trong khi đó, phía bị đơn không đồng ý theo yêu cầu cấp dưỡng khi ly hôn một lần cho bị đơn Dương Thị Đa R với số tiền 150.000.000 đồng nên yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn Cao Trọng Th đồng ý hỗ trợ khi ly hôn cho Dương Thị Đa R 20.000.000 đồng. Do đó Hội đồng xét xử ghi nhận ý

chí tự nguyện của anh Cao Trọng Th về việc hỗ trợ khi ly hôn cho chị Dương Thị Đa R số tiền là 20.000.000 đồng.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Cao Trọng Th và Chị Dương Thị Đa R, khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng nguyên đơn Cao Trọng Th phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu đã nêu là có căn cứ phù hợp với những tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, đánh giá tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 1, khoản 4 và khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Điểm c Khoản 1 Điều 92, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, Khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật dân sự;

Căn cứ: Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 88, Điều 89, Điều 101 và Điều 115 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Cao Trọng Th được ly hôn với chị Dương Thị Đa R.

2. Về con chung: Xác định cháu Cao Thị Thảo Ph (nữ) sinh ngày 21/3/2014 không phải là con của anh Cao Trọng Th. Giao cho chị Dương Thị Đa R được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Cao Thị Thảo Ph, anh Cao Trọng Th không phải cấp dưỡng nuôi con.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Không chấp nhận yêu cầu anh Cao Trọng Th cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn của Chị Dương Thị Đa R. Ghi nhận ý chí tự nguyện của anh Cao Trọng Th hỗ trợ khi ly hôn cho chị Dương Thị Đa R số tiền 20.000.000 đồng.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Anh Cao Trọng Th và chị Dương Thị Đa R không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn Cao Trọng Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004018, ngày 03/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, anh Cao Trọng Th đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Phạm Thị Hương - Triệu Khánh Long **Nguyễn Minh Toàn**

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Uỷ ban xã Vĩnh Hải;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Minh Toàn